

Số: 7901/QĐ-ĐHĐT

Đồng Tháp, ngày 24 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận danh sách thí sinh trúng tuyển
đào tạo trình độ thạc sĩ đợt tháng 12 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

Căn cứ Quyết định số 08/2003/QĐ-TTg ngày 10 tháng 01 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Sư phạm Đồng Tháp nay là Trường Đại học Đồng Tháp;

Căn cứ Nghị quyết số 156/NQ-HĐT ngày 29 tháng 3 năm 2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Đồng Tháp về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Đồng Tháp;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 1167/QĐ-ĐHĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 7900/QĐ-ĐHĐT ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp về việc xác định điểm chuẩn tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ thạc sĩ đợt tháng 12 năm 2025;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo Sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 130 (một trăm ba mươi) thí sinh trúng tuyển kỳ xét tuyển các ngành đào tạo trình độ thạc sĩ đợt tháng 12 năm 2025 của Trường Đại học Đồng Tháp.
(có danh sách kèm theo)

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn của thí sinh trúng tuyển được thực hiện theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Đồng Tháp, quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 3. Trường phòng Đào tạo Sau đại học, các Trường đơn vị liên quan, các Trường chuyên ngành và thí sinh có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Vụ Giáo dục Đại học (để báo cáo);
- HT, các PHT;
- Lưu: VT, ĐTSĐH, T.

HIỆU TRƯỞNG



Hồ Văn Thống



**DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN
ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT THÁNG 12 NĂM 2025
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP**

*(Kèm theo Quyết định số 7901/QĐ-ĐHĐT, ngày 24 tháng 12 năm 2025 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp)*

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Ngành/Chuyên ngành
A	Khối ngành I			
1	Quách Trần Huỳnh	Anh	26/10/2002	Giáo dục học (Giáo dục Chính trị)
2	Võ Thị Trúc	Bình	12/10/1989	Giáo dục học (Giáo dục Chính trị)
3	Huỳnh Thị Kim	Duyên	31/12/2003	Giáo dục học (Giáo dục Chính trị)
4	Nguyễn Đăng	Hải	10/10/1983	Giáo dục học (Giáo dục Chính trị)
5	Trương Ánh	Hoa	22/01/2000	Giáo dục học (Giáo dục Chính trị)
6	Phạm Lê Hoàng	Huy	17/11/2003	Giáo dục học (Giáo dục Chính trị)
7	Phạm Phi	Long	29/08/1990	Giáo dục học (Giáo dục Chính trị)
8	Nguyễn Kim	Ngân	29/09/1982	Giáo dục học (Giáo dục Chính trị)
9	Phạm Yên	Nhi	04/12/2002	Giáo dục học (Giáo dục Chính trị)
10	Ngô Thị Hồng	Yến	18/03/2001	Giáo dục học (Giáo dục Chính trị)
11	Nguyễn Thị Huỳnh	Duyên	12/02/1988	Giáo dục học (Giáo dục Mầm non)
12	Trương Ngọc Huyền	Trang	15/04/1988	Giáo dục học (Giáo dục Mầm non)
13	Nguyễn Thị Thu	Hiền	09/12/1986	Giáo dục học (Giáo dục Thể chất)
14	Dương Thành	Trung	13/02/1987	Giáo dục học (Giáo dục Thể chất)
15	Trần Thị Ngọc	Điểm	09/06/1988	Lý luận và phương pháp dạy học
16	Trần Thị Ngọc	Giàu	06/08/2002	Lý luận và phương pháp dạy học
17	Lê Minh Tuấn	Khoa	07/11/2003	Lý luận và phương pháp dạy học
18	Mã	Muội	04/02/1990	Lý luận và phương pháp dạy học
19	Trần Thị Mỹ	Ngọc	24/02/2003	Lý luận và phương pháp dạy học
20	Lê Kim	Quỳnh	19/12/2003	Lý luận và phương pháp dạy học
21	Trần Phước	Trung	18/07/2003	Lý luận và phương pháp dạy học
22	Trần Công	Minh	27/10/1988	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán
23	Lê Chí	Tâm	15/04/1995	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán
24	Phạm Nguyễn Thanh	Thảo	15/07/2002	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán
25	Nguyễn Yên	Thy	12/06/1995	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán
26	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	02/02/1982	Lý luận và phương pháp dạy học bộ

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Ngành/Chuyên ngành
				môn Toán
27	Nguyễn Minh	Nhật	18/06/1997	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán
28	Huỳnh Nguyễn Thanh	Loan	11/04/1989	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán
29	Huỳnh Thị	Huệ	26/02/1982	Quản lý giáo dục
30	Nguyễn Chí	Linh	16/10/1987	Quản lý giáo dục
31	Lại Văn	Loan	05/10/1982	Quản lý giáo dục
32	Hồ Thị	Nga	20/11/1993	Quản lý giáo dục
33	Phạm Võ Phi	Phụng	10/04/1982	Quản lý giáo dục
34	Trương Phước	Tài	01/01/1980	Quản lý giáo dục
35	Trần Văn	Thuận	10/05/1981	Quản lý giáo dục
36	Trần Minh	Trung	01/01/1985	Quản lý giáo dục
37	Đỗ Thị	Tuyền	11/01/1991	Quản lý giáo dục
B	Khối ngành III			
38	Nguyễn Thị Hoàng	Diễm	10/08/1985	Quản trị kinh doanh
39	Trần Ngọc	Diệp	21/12/2001	Quản trị kinh doanh
40	Võ Thanh	Dự	29/01/1997	Quản trị kinh doanh
41	Trần Mỹ	Như	08/12/1996	Quản trị kinh doanh
42	Phan Hồ Trúc	Quỳnh	15/02/2003	Quản trị kinh doanh
43	Trần Quốc	Sang	13/08/2001	Quản trị kinh doanh
44	Võ Chí	Thịnh	01/09/1993	Quản trị kinh doanh
45	Phạm Hồng	Trang	08/09/1992	Quản trị kinh doanh
46	Nguyễn Bảo	Tuấn	16/11/1984	Quản trị kinh doanh
47	Nguyễn Trần	Tuấn	20/02/1987	Quản trị kinh doanh
48	Hồ Lê Tường	Vy	14/11/2003	Quản trị kinh doanh
49	Nguyễn Thị Ngọc	Xoàn	24/04/2000	Quản trị kinh doanh
C	Khối ngành IV			
50	Đặng Văn	An	10/11/1992	Khoa học môi trường
51	Dương Phúc	Hậu	26/04/1991	Khoa học môi trường
52	Nguyễn Phước	Huy	01/01/1992	Khoa học môi trường
53	Nguyễn Thị Bé	Lệ	10/03/1988	Khoa học môi trường
54	Phan Thiên Nguyệt	Minh	11/08/2000	Khoa học môi trường
55	Phạm Thiên	Nhi	01/03/1997	Khoa học môi trường
56	Đặng Nguyễn Phước	Như	24/10/1992	Khoa học môi trường

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Ngành/Chuyên ngành
57	Thái Thị Thuý	Trang	26/11/1988	Khoa học môi trường
58	Lê Tấn	Đĩnh	28/02/2002	Hóa lý thuyết và Hóa lý
59	Lê Thị Huỳnh	Như	29/04/1998	Hóa lý thuyết và Hóa lý
60	Nguyễn Trọng	Phi	15/04/2003	Hóa lý thuyết và Hóa lý
61	Nguyễn Thanh	Thoại	03/01/2003	Hóa lý thuyết và Hóa lý
62	Nguyễn Minh	Thư	20/06/2001	Hóa lý thuyết và Hóa lý
63	Trương Cao	Thuần	04/01/1992	Hóa lý thuyết và Hóa lý
64	Nguyễn Văn	Vinh	15/03/1982	Hóa lý thuyết và Hóa lý
65	Huỳnh Minh	Chánh	12/08/1988	Sinh học
66	Phạm Quốc	Độ	15/05/1979	Sinh học
67	Nguyễn Thanh	Hải	22/01/1984	Sinh học
68	Huỳnh Duy	Hoà	14/04/1993	Sinh học
69	Lê Hoàng	Khánh	13/10/1989	Sinh học
70	Nguyễn Xuân	Lan	10/08/1992	Sinh học
71	Hứa Thị Thảo	Nguyên	04/02/1986	Sinh học
72	Phan Thanh	Nhã	15/01/2003	Sinh học
73	Trần Thị Thuý	Nhi	25/09/1988	Sinh học
74	Chung Thị Hạnh	Như	30/03/2003	Sinh học
75	Nguyễn Thị Mỹ	Nhung	02/01/1982	Sinh học
76	Huỳnh Thị Thuý	Oanh	21/07/1987	Sinh học
77	Trịnh Phú	Tâm	07/02/1987	Sinh học
78	Huỳnh Vũ	Thường	27/11/1986	Sinh học
79	Nguyễn Thị Khã	Vân	17/07/1997	Sinh học
80	Tô Bá	Cường	13/08/1985	Vật lý lý thuyết và vật lý toán
81	Lương Ngọc	Dung	05/08/1979	Vật lý lý thuyết và vật lý toán
82	Nguyễn Hoàng	Giàu	01/01/1974	Vật lý lý thuyết và vật lý toán
83	Phạm Thị Ngọc	Giàu	20/07/1993	Vật lý lý thuyết và vật lý toán
84	Nguyễn Ngọc	Hân	24/01/2003	Vật lý lý thuyết và vật lý toán
85	Lê Tuấn	Huy	02/01/2003	Vật lý lý thuyết và vật lý toán
86	Lương Thuý	Kiều	11/09/1989	Vật lý lý thuyết và vật lý toán
87	Lê Trọng	Kỳ	29/12/2003	Vật lý lý thuyết và vật lý toán
88	Lưu Mỹ	Kỳ	02/01/1998	Vật lý lý thuyết và vật lý toán
89	Trịnh Như	Ngọc	02/12/1990	Vật lý lý thuyết và vật lý toán
90	Nguyễn Tây	Phong	20/11/2003	Vật lý lý thuyết và vật lý toán

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Ngành/Chuyên ngành
91	Phạm An	Phước	21/11/2003	Vật lý lý thuyết và vật lý toán
92	Huỳnh Thị Huyền	Trang	19/04/1992	Vật lý lý thuyết và vật lý toán
D	Khối ngành V			
93	Đồng Thanh	Giang	01/07/1988	Khoa học máy tính
94	Lê Kim	Tuyến	02/06/1984	Khoa học máy tính
95	Nguyễn Quốc	Hưng	04/03/1989	Toán học
96	Trần Văn	Toàn	15/11/1988	Toán học
E	Khối ngành VII			
97	Trần Huỳnh	Cẩn	11/11/1997	Lịch sử Việt Nam
98	Nguyễn Phú	Châu	24/04/2003	Lịch sử Việt Nam
99	Trần Thị Minh	Đăng	20/01/1999	Lịch sử Việt Nam
100	Lê Phát	Đạt	06/06/1995	Lịch sử Việt Nam
101	Nguyễn Hồng	Diễm	07/06/1994	Lịch sử Việt Nam
102	Nguyễn Trường	Duy	09/08/1983	Lịch sử Việt Nam
103	Lê Thị Kim	Duyên	15/03/1987	Lịch sử Việt Nam
104	Lý Tuyết	Kha	25/09/1992	Lịch sử Việt Nam
105	Thạch Hoài	Minh	06/06/1993	Lịch sử Việt Nam
106	Phan Bảo	Ngọc	14/01/2002	Lịch sử Việt Nam
107	Hồ Thị	Thanh	02/02/1987	Lịch sử Việt Nam
108	Nguyễn Thị Huỳnh	Thiên	12/11/2002	Lịch sử Việt Nam
109	Nguyễn Ngọc	Tiền	20/02/1997	Lịch sử Việt Nam
110	Bùi Phước	Vinh	04/07/2001	Lịch sử Việt Nam
111	Võ Văn	Vũ	20/01/2003	Lịch sử Việt Nam
112	Trịnh Phước	Dur	20/07/1982	Quản lý kinh tế
113	Phạm Nguyễn Ngọc	Hân	01/01/1999	Quản lý kinh tế
114	Huỳnh Thị Kim	Hằng	29/02/1996	Quản lý kinh tế
115	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	06/11/1992	Quản lý kinh tế
116	Nguyễn Văn	Lít	10/06/1987	Quản lý kinh tế
117	Võ Thị Tuyết	Loan	04/04/1981	Quản lý kinh tế
118	Lê Hồng	Phước	29/07/1992	Quản lý kinh tế
119	Ngô Anh	Quân	20/07/2003	Quản lý kinh tế
120	Châu Hoàng	Son	01/09/1983	Quản lý kinh tế
121	Nguyễn Phúc	Thành	10/06/1988	Quản lý kinh tế
122	Đặng Thị Phương	Thảo	16/07/1988	Quản lý kinh tế

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Ngành/Chuyên ngành
123	Nguyễn Minh	Thư	21/03/1997	Quản lý kinh tế
124	Hà Hoài	Thương	04/03/2003	Quản lý kinh tế
125	Nguyễn Thị Diễm	Thuý	28/11/1999	Quản lý kinh tế
126	Huỳnh Lê Vạn Minh	Tiến	16/06/2001	Quản lý kinh tế
127	Hà Thiết	Trung	08/10/2002	Quản lý kinh tế
128	Trần Đăng Hoàng	Vinh	03/05/2003	Quản lý kinh tế
129	Trần Phạm Tường	Vy	09/12/1997	Quản lý kinh tế
130	Huỳnh Thị Ngọc	Yến	29/09/1992	Quản lý kinh tế

Danh sách này gồm có 130 (một trăm ba mươi) người. / *MA* ✓

uy